

4BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ MAY**

(Ban hành tại Quyết định số 1272/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/09/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình: **CÔNG NGHỆ MAY**

Ngành đào tạo: **CÔNG NGHỆ MAY**

Tên tiếng Anh: **GARMENT TECHNOLOGY**

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Mã số: **7540209**

Hình thức đào tạo: **CHÍNH QUI**

TP. Hồ Chí Minh, 2023

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: CÔNG NGHỆ MAY

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: CÔNG NGHỆ MAY

Mã ngành: 7540209

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUI

Văn bằng tốt nghiệp: Kỹ sư Công nghệ May

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học

3. Thang điểm, Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- **Thang điểm: 10 điểm**

- **Quy trình đào tạo:** Theo Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/9/2021 của Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.

- **Điều kiện tốt nghiệp**

- + *Điều kiện chung:* Theo Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/9/2021 của Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.

- + *Điều kiện của chuyên ngành:* Theo quy chế đào tạo của Nhà Trường

4. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

❖ **Mục đích (Goals)**

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ May trình độ đại học nhằm trang bị cho người học những kiến thức nền tảng và chuyên sâu trong lĩnh vực may mặc, làm cơ sở cho việc áp dụng những nguyên lý kỹ thuật và các kỹ năng thực hành để tổ chức triển khai trong quá trình sản xuất công nghiệp; biết vận dụng những kiến thức cơ bản và các kỹ năng kỹ thuật vào thực tiễn một cách phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự phát triển kinh tế xã hội; có khả năng học tập nâng cao trình độ ở các bậc đào tạo cao hơn để có thể phát triển con người toàn diện hơn..

❖ Mục tiêu đào tạo (Objectives)

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật
2. Kỹ năng và tố chất cá nhân và chuyên nghiệp
3. Kỹ năng giao tiếp: làm việc theo nhóm và giao tiếp
4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường – quá trình sáng tạo

❖ Chuẩn đầu ra (Program outcomes)

Ký hiệu	ELOs	Chuẩn đầu ra	TĐNL
1.	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN KỸ THUẬT		
1.1.	ELO-01	Vận dụng các kiến thức cơ bản về chuyên môn và khoa học tự nhiên - xã hội để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong ngành may	3.4
2.	HÌNH THÀNH KỸ NĂNG, PHÁT HUY TỐ CHẤT CÁ NHÂN VÀ TÍNH CHUYÊN NGHIỆP		
2.1.	ELO-02	Phát triển kỹ năng tư duy có hệ thống để giải quyết các vấn đề kỹ thuật ngành May	3.5
2.2.	ELO-03	Thể hiện đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong nhận diện, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của DN và đề xuất các giải pháp	3.9
2.3	ELO-04	Có khả năng đề xuất các giải pháp để giải quyết tình huống thực tế	3.5
3.	HÌNH THÀNH KỸ NĂNG GIAO TIẾP & LÀM VIỆC THEO NHÓM		
3.1.	ELO-05	Có kỹ năng làm việc hiệu quả	3.9
3.2.	ELO-06	Có khả năng giao tiếp hiệu quả và giao tiếp bằng ngoại ngữ.	3.6
4.	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI, VÀ VẬN HÀNH TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG – QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO		
4.1.	ELO-07	Thiết kế hệ thống kỹ thuật đáp ứng nhu cầu trong lĩnh vực công nghệ May	4.1
4.2.	ELO-08	Triển khai hệ thống kỹ thuật đáp ứng nhu cầu trong lĩnh vực công nghệ May	4.0
4.3	ELO-09	Vận hành và quản lý hệ thống kỹ thuật đáp ứng nhu cầu trong lĩnh vực công nghệ May	3.4

❖ Thang TĐNL

aTĐNL	Mô tả ngắn	
$0.0 \leq \text{TĐNL} \leq 1.0$	Cơ bản	Nhớ: Sinh viên ghi nhớ/ nhận ra/ nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định,...

1.0 < TĐNL ≤ 2.0	Đạt yêu cầu	Hiểu: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận, ...
2.0 < TĐNL ≤ 3.0		Áp dụng: Sinh viên thực hiện/ áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm như mô hình, vật thật, sản phẩm mô phỏng, bài báo cáo,...
3.0 < TĐNL ≤ 4.0	Thành thạo	Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/ kiến thức thành các chi tiết/ bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,...
4.0 < TĐNL ≤ 5.0		Đánh giá: SV đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/ thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phản biện, đề xuất,...
5.0 < TĐNL ≤ 6.0	Xuất sắc	Sáng tạo: SV kiến tạo/ sắp xếp/ tổ chức/ thiết kế/ khái quát hóa các chi tiết/ bộ phận theo cách khác/ mới để tạo ra cấu trúc/ mô hình/ sản phẩm mới.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 150 tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất - Giáo dục Quốc phòng và khối kiến thức ngoại ngữ)

Đối với kiến thức Ngoại ngữ: Sinh viên cần phải đạt 02 học phần ngoại ngữ:

- Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 1 (ENCS140026): 4 tín chỉ
- Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 2 (ENCS240026): 4 tín chỉ

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ		
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		51	51	0
A. Khối kiến thức bắt buộc		39	39	0
I. Lý luận chính trị + Pháp luật		13	13	0
II. Toán học và KHTN		23	23	0
III. Nhập môn ngành		3(2+1)	3	0
B. Khối kiến thức tự chọn		12	0	12
IV. Tin học		3		
1	Ứng dụng CNTT	3(2+1)	3	0
V. Khoa học xã hội nhân văn		6	0	6
VI. Toán học và KHTN		0	0	0
VII. Khác (các khoa đề xuất)		2	0	2
VIII. Anh văn		8	8	0
1	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 1 (*)	4	4	0
2	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 2 (*)	4	4	0
C. Khối kiến thức GDTC + GDQP				
IX. Giáo dục thể chất				
1	Giáo dục thể chất 1 (*)	1	1	0
2	Giáo dục thể chất 2 (*)	1	1	0
3	Tự chọn Giáo dục thể chất 3 (*)	3	0	3
X. Giáo dục quốc phòng		165 tiết		
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP		99	81	18
1	Cơ sở ngành	20	16	4
2	Chuyên ngành	46	38	8
3	Liên ngành	6	0	6
4	Thí nghiệm, thực tập, thực hành	15	15	0

5	Thực tập tốt nghiệp	2	2	0
6	Khóa luận tốt nghiệp	10	10	0
TỔNG CỘNG (TÍN CHỈ TÍCH LŨY)		150	132	18

(*) Học phần bắt buộc không tính số tín chỉ tích lũy trong chương trình

7. Nội dung chương trình

7.1. A. Phần bắt buộc

7.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	LLCT130105	Triết học Mác – Lê nin	3	
2	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	LLCT130105
3	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT130105
4	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT130105
5	LLCT120405	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	LLCT130105 LLCT120205 LLCT120405 LLCT120314
6	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
7	MATH132401	Toán 1	3	
8	MATH132501	Toán 2	3	
9	GDAP340851	Đồ họa ứng dụng (CNM)	4(2+2)	
10	MATH132901	Thống kê toán học cho kỹ sư	3	
11	PHYS130902	Vật lý 1	3	
12	PHYS131002	Vật lý 2	3	
13	PHYS 111202	Thí nghiệm vật lý 1	1	
14	GCHE130603	Hóa đại cương	3	
15	INGT130151	Nhập môn ngành (CNM)	3(2+1)	
16	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1	
17	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	
18	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	3	
19	GDQP008033	Giáo dục quốc phòng	165 tiết	
20	ENCS140026	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 1	4	
21	ENCS240026	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 2	4	
Tổng			39	

7.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	GEMA230651	Thiết bị may CN & bảo trì	3(2+1)	
2	TEMA130351	Nguyên liệu dệt	3	
3	GMAC230551	Nguyên phụ liệu may	3	TEMA130351
4	GMTE231451	Công nghệ SX ngành may	3	GEMA230651
5	FAFI331351	Quá trình hoàn tất vải	3(2+1)	TEMA130351

6	SDTF226051	Phát triển bền vững trong dệt may	2	TEMA130351
Tổng			17	

7.1.2.2. Kiến thức chuyên ngành (lý thuyết và thí nghiệm)

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
Chuyên ngành lý thuyết				
1	FSTE230751	Kỹ thuật may cơ bản	3(1+2)	GEMA230651
2	FMDR231051	Thiết kế trang phục nam CB	3	TEMA120351 SSRC220451
3	FWDR331151	Thiết kế trang phục nữ CB	3	TEMA120351 SSRC220451
4	AWDR321251	Thiết kế trang phục nữ NC	2	FWDR331151
5	AMDR421351	Thiết kế trang phục nam NC	2	FMDR231051
6	PRAP341551	Chuẩn bị SX ngành may	4	GMTE231451
7	GQMA331651	Quản lý chất lượng TP	3	PRAP331251
8	AGMA321751	Quản lý SX ngành may	2	GMTE231451
9	MEAP431851	Quản lý đơn hàng ngành may	3	GQMA321651 AGMA321751
10	PPAP421951	Lập kế hoạch ngành may	2	PRAP331251
11	CAAP345751	Công nghệ CAD ngành may	4	FMDR231051
12	GTPR412151	Đồ án công nghệ	1	MEAP431851 GQMA321651
13	GDPR422251	Đồ án thiết kế	2	PFMD222151 PFWD322851
14	EGTE320951	Anh văn chuyên ngành (CNM)	2	
Tổng			36	
Chuyên ngành thực tế XN				
1	GSSS422451	Chuyên đề doanh nghiệp	2	GMTE231451
Tổng			2	

7.1.2.3. Kiến thức chuyên ngành (thực hành xưởng, TT công nghiệp)

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
Chuyên ngành thực hành xưởng				
1	PFMD232151	TH Thiết kế trang phục nam CB	3	GEMA230651 TEMA120351
2	PFWD322251	TH Thiết kế trang phục nữ CB	2	GEMA230651 TEMA130351
3	PAWD332951	TH Thiết kế trang phục nữ NC	3	PFWD322851
4	PAMD433051	TH Thiết kế trang phục nam NC	3	PFMD222751
5	PETE221851	TN vật liệu dệt	2	TEMA130351
6	PPAP323151	TH chuẩn bị SX ngành may	2	GMTE231451
Tổng			15	
Chuyên ngành thực tập tốt nghiệp				

1	GRPR423351	Thực tập tốt nghiệp	2	PRAP331251
Tổng			2	

7.1.2.4. Tốt nghiệp

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	GRTH405651	Khóa luận tốt nghiệp	10	
Tổng			10	

7.2. B. Phần tự chọn

7.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	ITAP138785	Ứng dụng CNTT	3(2+1)	

7.2.2. Khối kiến thức các môn học thuộc nhóm KHXH-NV

Sinh viên chọn 6 TC trong các môn học sau:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	GEFC220105	Kinh tế học đại cương	2	
2	IQMA220205	Nhập môn quản trị chất lượng	2	
3	INMA220305	Nhập môn Quản trị học	2	
4	INLO220405	Nhập môn Logic học	2	
5	IVNC320905	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	
6	INSO321005	Nhập môn Xã hội học	2	
7	ENPS220591	Tâm lý học kỹ sư	2	Chọn
8	SYTH220491	Tư duy hệ thống	2	
9	LESK120190	Kỹ năng học tập đại học	2	
10	PLSK120290	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	2	
11	WOPS120390	Kỹ năng làm việc trong môi trường kỹ thuật	2	Chọn
12	REME320690	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Chọn

7.2.3. Kiến thức các môn học thuộc nhóm khác

Sinh viên chọn 2 TC trong các môn học sau

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	SSRC220451	Hệ thống cỡ số trang phục	2	
2	AEST224851	Thẩm mỹ học	2	

7.2.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (cơ sở ngành)

Sinh viên chọn 4 TC trong các môn học sau

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	OSGI225951	An toàn lao động ngành may	2	

2	ARCL224651	Mỹ thuật trang phục	2	
3	TEEC323651	Sinh thái dệt	2	FAFI331351
4	SMTE322551	Vật liệu dệt thông minh	2	TEMA130351
5	AMPT320251	Tự động hóa các QT sản xuất ngành may	2	GMTE231451
6	PAET422651	Công nghệ in – thêu	2	GMAC230551

7.2.5. Kiến thức chuyên ngành

Sinh viên chọn 8 TC môn học theo chuyên ngành sau

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	PRDR425351	Thiết kế trang phục bảo hộ lao động	2	FMDR231051
				FWDR331151
2	WODR425251	Thiết kế trang phục công sở	2	FMDR231051
				FWDR331151
3	WDDE423451	Thiết kế trang phục cưới	2	AWDR321251
4	JADE422351	Thiết kế Jacket, Trench Coat	2	FMDR231051
				FWDR331151
5	PFUS324351	Thiết kế trang phục lót, áo tắm	2	FWDR331151
6	PMOD434151	Thiết kế thời trang trên Dressform	3	FWDR331151
7	HHDE433551	Thiết kế nón túi xách	3	FSTE230751
8	FODE433651	Thiết kế giày	3	FSTE230751
9	PLIS423751	Thiết kế nhà xưởng & lắp đặt thiết bị	2	PRAP331551
10	MIAP435051	Cải tiến sản xuất ngành may	3	PRAP331551
11	FABR324451	Quản trị thương hiệu trang phục	2	
12	WATE324551	Công nghệ Wash sản phẩm may	2	GMAC230551
13	KMTE433851	Công nghệ sản xuất hàng dệt kim	3	GMAC230551
				FWDR331151
14	DIGM425851	Thiết kế 3D trong sản xuất MCN	2	CAAP345751

7.2.6. Kiến thức liên ngành

SV chọn 6 TC liên ngành để thay thế cho các môn học chuyên ngành trong phần tự chọn.

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	FUFA231352	Nền tảng thiết kế thời trang	3(2+1)	
2	BAIL131052	Vẽ minh họa thời trang cơ bản	3(1+2)	
3	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	2	
4	CUSM321006	Quan hệ quản trị khách hàng	2	
5	BCOM320106	Giao tiếp trong KD	2	
6	GAMA425151	Marketing hàng may mặc	2	
7	APIE324951	Xuất nhập khẩu hàng may mặc	2	
8	IGTN424251	Đàm phán KD hàng may mặc	2	
9	SCMA430709	Quản trị chuỗi cung ứng	2	
10	PGBU324751	Tâm lý học kinh doanh	2	

7.3. Các môn học MOOC (Massive Open Online Courses)

Nhằm tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến, SV có thể tự chọn các khóa học online đề xuất trong bảng sau để xét tương đương với các môn học có trong chương trình đào tạo:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn học được xét tương đương MOOC (đường link đăng ký)
1.	FMDR231051	Thiết kế trang phục nam CB	3	http://www.arts.ac.uk/fashion/courses/short-courses/online-courses
2.	FWDR331151	Thiết kế trang phục nữ CB	3	http://www.arts.ac.uk/fashion/courses/short-courses/online-courses

8. Kế hoạch giảng dạy

❖ Các môn không xếp vào kế hoạch giảng dạy (Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập)

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	
2	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT130105
3	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT130105
4	LLCT120405	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	LLCT130105 LLCT130205 LLCT130405 LLCT120314
5	PHED110613	Giáo dục thể chất 2 (*)	1	
6	PHED130715	Giáo dục thể chất 3 (*)	3	
7	ENCS140026	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 1 (*)	4	
8	ENCS240026	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 2 (*)	4	
	Tổng		8	

Học kỳ 1

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	GELA220405	Pháp luật đại cương (X)	2	
2	MATH132401	Toán 1 (2)	3	
3	GCHE130603	Hóa học đại cương (X)	3	
4	INGT130151	Nhập môn ngành CNM (1)	3(2+1)	
5	GEMA230651	Thiết bị may CN & bảo trì	3(2+1)	

6	SSRC220451	Hệ thống cỡ số trang phục	2	
7	TEMA130351	Nguyên liệu dệt	3	
Tổng			19	
8	PHED110513	Giáo dục thể chất 1 (*)	1	

Học kỳ 2

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	MATH132501	Toán 2	3	
2	LLCT130105	Triết học Mác – Lê nin	3	
3	MATH132901	Thống kê toán học cho kỹ sư	3	
4	PHYS130902	Vật lý 1	3	
5	GMAC230551	Nguyên phụ liệu may	3	TEMA130351
6	FSTE230751	Kỹ thuật may cơ bản	3(1+2)	GEMA230651
7	FAFI331351	Quá trình hoàn tất vải	3(2+1)	TEMA130351
Tổng			21	

Học kỳ 3

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước,
				MH tiên quyết
1	GDAP340851	Đồ họa ứng dụng (CNM)	4(2+2)	
2	PHYS131002	Vật lý 2	3	
3	PHYS 111202	Thí nghiệm vật lý 1	1	
4	GMTE231451	Công nghệ SX ngành may	3	GEMA230651
5	FWDR331151	Thiết kế trang phục nữ CB	3	TEMA130351
				SSRC220451
6	PFWD322251	TH Thiết kế trang phục nữ CB	2	GEMA230651
				TEMA130351
7	Chọn 2 trong các môn học KTGD đại cương		4	
Tổng			20	

Học kỳ 4

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước,
				MH tiên quyết
1	PRAP341551	Chuẩn bị SX ngành may	4	GMTE231451
2	AGMA321751	Quản lý SX ngành may	2	GMTE231451
3	PPAP323151	TH chuẩn bị SX ngành may	2	GMTE231451
4	FMDR231051	Thiết kế trang phục nam CB	3	TEMA130351
				SSRC220451
5	PFMD232151	TH Thiết kế trang phục nam CB	3	GEMA230651
				TEMA130351
6	ITAP138785	Ứng dụng CNTT	3(2+1)	
7	Chọn 1 trong các môn học KTGD đại cương		2	
8	Chọn 1 trong các môn học KTGD cơ sở ngành		2	
Tổng			21	

Học kỳ 5

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước,
				MH tiên quyết
1	AWDR321251	Thiết kế trang phục nữ NC	2	FWDR331151
2	PAWD332951	TH Thiết kế trang phục nữ NC	3	PFWD322851
3	GQMA331651	Quản lý chất lượng TP	3	PRAP331251
4	CAAP345751	Công nghệ CAD ngành may	4 (2+2)	FMDR231051
5-7	Chọn 3-4 trong các môn học KTGD chuyên ngành		8	
Tổng			20	

Học kỳ 6

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước,
				MH tiên quyết
1	AMDR421351	Thiết kế trang phục nam NC	2	FMDR231051
2	MEAP431851	Quản lý đơn hàng ngành may	3	GQMA321651
				AGMA321751
3	PPAP421951	Lập kế hoạch ngành may	2	PRAP331251
4	PAMD433051	TH Thiết kế trang phục nam NC	3	PFMD222751
5	PETE221851	TN vật liệu dệt	2	TEMA130351
				FAFI331351
6	Chọn 1 trong các môn học KTGD cơ sở ngành		2	
7	Chọn 1 trong các môn học KTGD liên ngành		2	
Tổng			16	

Học kỳ 7

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước,
				MH tiên quyết
1	GDPR422251	Đồ án thiết kế	2	PFMD222151
				PFWD322851
2	GTPR412151	Đồ án công nghệ	1	MEAP431851
				GQMA321651
3	GSSS422451	Chuyên đề doanh nghiệp	2	GMTE231451
4	SDTF226051	Phát triển bền vững trong dệt may	2	FAFI331351
5	EGTE320951	Anh văn chuyên ngành (CNM)	2	
6	GRPR423351	Thực tập tốt nghiệp	2	PRAP331251
8	Chọn 2 trong các môn học KTGD liên ngành		4	
Tổng			15	

Học kỳ 8

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	GRTH405651	Khóa luận tốt nghiệp	10	

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học

9.1 Kiến thức giáo dục đại cương

01. Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin

Phân bố thời gian học tập: 5(5/0/10)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Khái lược về CN Mác – Lênin và một số vấn đề chung của môn học; Những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học của CN Mác – Lênin; Học thuyết kinh tế của CN Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; Những nội dung cơ bản thuộc lý luận của CN Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội và khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

02. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin.

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về tư tưởng, đạo đức giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới, chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế chính trị văn hóa xã hội theo đường lối của Đảng và Nhà nước.

03. Đường lối CM của ĐCSVN

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Những NL cơ bản của CN Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới, trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

04. Pháp luật đại cương

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức:

- Các vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật: bao gồm các vấn đề về bản chất, nguồn gốc của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước; hệ thống pháp luật Việt Nam; quan hệ pháp luật và quy phạm pháp luật.
- Nội dung cơ bản của một số ngành luật chính: bao gồm các chế định luật liên quan đến đời sống thực tế của công dân của các ngành luật: hình sự, dân sự, hành chính và hôn nhân gia đình.

05. Toán 1

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector R^n , dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm một biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế.

06. Toán 2

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp C1.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này bao gồm các kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến (tích bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), phương trình vi phân cấp 1 & 2. Một số ứng dụng kiến thức toán vào trong kinh tế.

07. Đồ họa ứng dụng

Phân bố thời gian học tập: 3(2/1/6)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ứng dụng tin học trong các công đoạn chuẩn bị sản xuất. Mô tả chi tiết phương pháp ứng dụng phần mềm đồ họa CorelDraw và kỹ thuật xử lý ảnh cơ bản trên Photoshop để thiết kế các bản vẽ kỹ thuật hỗ trợ cho quá trình triển khai sản xuất.

08. Thống kê toán học cho kỹ sư

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp C1.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm: Biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan tuyến tính.

09. Vật lý đại cương A1

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp C1, C2.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về Cơ học: Phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cơ học cổ điển (cơ học Newton). Nội dung chính bao gồm: các định luật Newton, định luật hấp dẫn, các định luật bảo toàn trong chuyển động của chất điểm, hệ chất điểm, vật rắn; Nhiệt học: Phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về chuyển động nhiệt phân tử và các nguyên lý cơ bản của nhiệt động lực học; Điện-Từ học: Phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến các tương tác tĩnh điện, các tương tác tĩnh từ và mối liên hệ giữa điện trường và từ trường biến thiên.

10. Vật lý đại cương A2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp C1, Vật lý đại cương A1.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của vật lý bao gồm các phần quang học, lý thuyết tương đối hẹp của Einstein, cơ học lượng tử cơ sở cho việc tiếp cận với các môn học chuyên ngành trình độ đại học các ngành khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về các hiện tượng tự nhiên trong thế giới vi mô ở cấp độ tương đối tính và ứng dụng những kiến thức đó trong nghiên cứu khoa học, trong phát triển kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Thông qua học phần này, người học sẽ nhận ra rằng vật chất có lưỡng tính sóng - hạt; vì vậy để nghiên cứu, giải thích các hiện tượng, các quá trình, quy luật vận động của tự nhiên trong thế giới vi mô phải dựa trên cơ học tương đối tính và cơ học lượng tử. Các lý thuyết này cung cấp kiến thức và kỹ năng nền tảng để hiểu được các hiện tượng, quy luật của các quá trình xảy ra bên trong nguyên tử, do đó là cơ sở cho sự phát triển của khoa học và ứng dụng trong kỹ thuật, công nghệ hiện đại như kỹ thuật điện-điện tử, công nghệ máy tính, công nghệ nano, điều khiển tự động, công nghệ bức xạ, năng lượng, y học....

11. Thí nghiệm vật lý

Phân bố thời gian học tập: 1(0/1/2)

Điều kiện tiên quyết: Vật lý đại cương A1.

Tóm tắt nội dung học phần: Thí nghiệm vật lý đại cương gồm một đơn vị học phần có 9 bài thí nghiệm về cơ học, nhiệt học, điện từ và quang học. Đây là môn học bổ sung cho sinh viên thuộc khối ngành công nghệ hệ cao đẳng và đại học những kiến thức về bản chất các hiện tượng vật lý xảy ra trong thực tế cuộc sống, rèn luyện cho các kỹ sư tương lai kỹ năng đo lường và tính toán.

12. Hoá học cho kỹ thuật

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về các khái niệm, phương pháp đọc và vẽ được các bản vẽ kỹ thuật. Đồng thời môn học cũng cung cấp phương pháp phân tích và mô tả các dạng mặt cắt cơ bản của chi tiết trên một số sản phẩm may mặc, cũng như trên những đường may cơ bản thường sử dụng quá trình lắp ráp sản phẩm.

13. Nhập môn ngành Công nghệ may

Phân bố thời gian học tập: 3(2/1/6)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về ngành nghề đào tạo, những yêu cầu cơ bản của một người kỹ sư trong tương lai về các kiến thức chuyên môn nhằm giúp sinh viên có thể hiểu vai trò, chức năng các công việc cụ thể trong chuyên ngành từ đó đưa ra cách ứng xử phù hợp và có thái độ tích cực trong giao tiếp cũng như trong học tập. Môn học còn cung cấp các kỹ năng cơ bản nhằm phát huy khả năng tự học hỏi, tự nghiên cứu của bản thân, đồng thời sinh viên sẽ được tham quan thực tế tại các doanh nghiệp may mặc để có những định hướng đúng đắn hơn về ngành nghề đang theo học.

14. Nguyên liệu dệt

Phân bố thời gian học tập: 2(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, thành phần cấu tạo, tính chất hóa lý, công nghệ chế tạo của các loại xơ sợi dệt. Học phần cũng giới thiệu những loại nguyên liệu dệt đang được sử dụng rộng rãi trong thực tế sản xuất ngành may mặc hoặc liên quan đến may mặc. Qua học phần, sinh viên có thể phân biệt, lựa chọn và phát triển các loại nguyên liệu dệt này một cách phù hợp để thiết kế và gia công các sản phẩm may mặc có giá trị.

15. Thẩm mỹ học

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học giúp sinh viên có được kiến thức cơ bản về cái đẹp, thị hiếu thẩm mỹ, nghệ thuật, nhằm nâng cao trình độ thẩm mỹ, năng lực đánh giá, năng lực sáng tạo và thưởng thức cái đẹp trong cuộc sống. Môn học còn trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử của tư tưởng thẩm mỹ, mỹ học đối với các loại hình nghệ thuật, vai trò của chủ thể và khách thể thẩm mỹ... góp phần rèn luyện phương pháp tư duy về thẩm mỹ cho sinh viên.

16. Ứng dụng CNTT thông tin

Phân bố thời gian học tập: 3(2/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản và nâng cao về lĩnh vực tin học văn phòng như: soạn thảo văn bản, tạo lập và xử lý bản tính, tạo các tập tin thuyết trình. Người học có thể vận dụng các kiến thức đã học để sử dụng một cách thành thạo các phần mềm Microsoft Office: Word, Excel và PowerPoint để thiết kế các tài liệu phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn của mình. Ngoài ra, học phần này cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng mềm như làm việc nhóm và thuyết trình các vấn đề nâng cao

17. Giáo dục thể chất 1

Phân bố thời gian học tập: 1(0/1/2)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về lịch sử phát triển thể thao và phong trào Olympic, lợi ích của việc tập luyện TDTT và các nguyên tắc, phương pháp tập luyện TDTT. Kỹ thuật nhảy xa kiểu uốn thân và chạy cự ly trung bình. Các bài test kiểm tra tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo quy định của Bộ Giáo dục đào tạo

18. Giáo dục thể chất 2

Phân bố thời gian học tập: 1(0/1/2)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Kỹ thuật di chuyển, đệm bóng (chuyền bóng thấp tay), chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng, chắn bóng, đội hình thi đấu

19. Giáo dục thể chất 3

Phân bố thời gian học tập: 3(1/2/6)

Điều kiện tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn võ Karatedo. Ý nghĩa, tác dụng, lịch sử phát triển, những nghi thức, thuật ngữ kỹ thuật, hệ thống kỹ thuật, quyền thuật, đối luyện, các kỹ thuật tự vệ và luật thi đấu môn Karatedo

9.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

20. Thiết bị may công nghiệp và bảo trì

Phân bố thời gian học tập: 3(2/1/6)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học giúp sinh viên nắm được các những khái niệm và đặc tính của thiết bị ngành may, hiểu được quy trình tạo mũi may, nắm được chức năng cấu tạo và nguyên lý hoạt động của một số cơ cấu trên các thiết bị. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những phương pháp điều chỉnh một số chi tiết, hiểu nguyên nhân và biết sửa chữa một số trục trặc thông thường. Ngoài ra sinh viên còn biết sử dụng và điều chỉnh một số máy chuyên dùng.

21. Hệ thống cỡ số trang phục

2

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Xác xuất thống kê ứng dụng.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành nhân trắc học, các phương pháp nghiên cứu trong nhân trắc học và trình tự thực hiện các bước xây dựng hệ thống cỡ số trang phục bằng phương pháp nhân trắc học kết hợp với thống kê toán học. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu những hệ thống cỡ số trang phục chuẩn đang được sử dụng rộng rãi trên thế giới.

23. Nguyên phụ liệu may

Phân bố thời gian học tập: 3(2/1/6)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ dệt.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, cấu tạo, tính chất, phương pháp xử lý hoàn tất, phạm vi ứng dụng của các loại vải. Môn học cũng giới thiệu một số PPĐG, kiểm tra chất lượng vải trước khi đưa vào sản xuất hàng may mặc. Đồng thời môn học cũng giới thiệu những đặc điểm cơ bản của các loại phụ liệu may và những ứng dụng của các loại phụ liệu này trong công nghiệp may mặc một cách hợp lý nhằm tăng giá trị cho sản phẩm.

24. Công nghệ sản xuất ngành may

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Thiết bị may công nghiệp và bảo trì.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ sản xuất may công nghiệp và những ảnh hưởng của thiết bị, vật tư, điều kiện kỹ thuật đến công nghệ sản xuất sản phẩm.

25. Kỹ thuật may cơ bản

Phân bố thời gian học tập: 3(1/2/6)

Điều kiện tiên quyết: Thiết bị may công nghiệp và bảo trì, Nguyên phụ liệu may.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về các dụng cụ và thiết bị cơ bản trong ngành may, các kỹ thuật may gia đình và công nghiệp, ký hiệu các loại đường may khi thực hiện ráp nối các chi tiết trên sản phẩm. Học phần cũng cung cấp các phương pháp xác định vị trí kích thước và kỹ thuật lắp ráp của các cụm chi tiết sẽ được ứng dụng trên sản phẩm.

26. Thiết kế trang phục nam cơ bản

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Hệ thống cỡ số trang phục, Kỹ thuật may cơ bản.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về những phương pháp đo ni mẫu, phương pháp thiết kế dựng hình, kỹ thuật may các loại trang phục nam cơ bản với mọi lứa tuổi. Đồng thời môn học cũng cung cấp các phương pháp xây dựng qui trình lắp ráp sản phẩm và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thiết kế mẫu nhằm có cách điều chỉnh phù hợp với từng kiểu dáng khác nhau.

27. Thiết kế trang phục nữ cơ bản

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Hệ thống cỡ số trang phục, Kỹ thuật may cơ bản.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị các kiến thức cơ bản về những phương pháp đo ni mẫu, phương pháp thiết kế các chi tiết thành phẩm của quần, áo, váy nữ dựa trên các thông số kích thước của ni mẫu được cung cấp hoặc của cỡ trung bình trong hệ cỡ số trang phục nữ chuẩn bất kỳ. Đồng thời môn học cũng cung cấp các phương pháp chuyển đổi ly, tạo đường decoup, đường trang trí trên sản phẩm, phương pháp lựa chọn độ cử động toàn phần phù hợp với kiểu dáng sản phẩm và hình thái cơ thể nữ theo từng lứa tuổi.

28. Thiết kế trang phục nữ nâng cao

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế trang phục nữ cơ bản.

Tóm tắt nội dung học phần: Từ những kiến thức cơ bản đã học ở môn thiết kế trang phục nữ cơ bản. Môn học này cung cấp thêm các kiến thức nâng cao trong phương pháp thiết kế, phương pháp tạo mẫu các sản phẩm gồm áo dài truyền thống Việt Nam, các kiểu váy biến kiểu, áo đầm biến kiểu một lớp. Ngoài ra học phần còn cung cấp phương pháp thiết kế áo Vest nữ một lớp dựa trên các thông số kích thước của ni mẫu được cung cấp hoặc của cỡ trung bình trong hệ cỡ số trang phục nữ chuẩn bất kỳ.

29. Thiết kế trang phục nam nâng cao

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế trang phục nam cơ bản.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp xác định thông số kích thước và cách lựa chọn độ cử động toàn phần phù hợp với từng vị trí kích thước trên sản phẩm. Học phần cũng giới thiệu phương pháp thiết kế các nhóm chi tiết cho sản phẩm Veston và Jacket 2 lớp. Đồng thời, hướng dẫn xây dựng qui trình may cho các cụm chi tiết được ứng dụng để lắp ráp hoàn thiện các sản phẩm.

30. Chuẩn bị sản xuất ngành may

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế trang phục nam cơ bản.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về công nghệ gia công chi tiết, các phương pháp xây dựng định mức kỹ thuật và qui trình công nghệ gia công sản phẩm. Đặc biệt, môn học hướng dẫn người học thiết lập bộ tài liệu kỹ thuật cho một mã hàng cụ thể.

31. Quản lý chất lượng trang phục

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ sản xuất, Chuẩn bị sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những khái niệm, chức năng, phương pháp quản lý và đánh giá chất lượng sản phẩm, các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm may, các phương pháp quản lý chất lượng (QC, TQC, TQM, tiêu chuẩn ISO), phương thức kiểm tra và quản lý chất lượng các công đoạn của sản xuất may công nghiệp.

32. Quản lý sản xuất ngành may

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ sản xuất, Chuẩn bị sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những khái niệm về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của doanh nghiệp, phương thức thành lập doanh nghiệp; Trình bày qui trình hoạt động và cách tổ chức quản lý các bộ phận sản xuất trong xí nghiệp may. Bên cạnh đó môn học cũng giới thiệu các hệ thống sản xuất, các phần mềm (MRP, GPRO, GSD,..) đang được ứng dụng trong quản lý sản xuất và trình bày cách tính chi phí, giá thành và hạch toán lãi lỗ cho sản phẩm may.

33. Quản lý đơn hàng

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ sản xuất, Chuẩn bị sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về các tiêu chuẩn cũng như yêu cầu của công việc quản lý đơn hàng trong ngành May. Mô tả cụ thể các bước công việc của nhân viên quản lý đơn hàng từ giai đoạn phát triển mẫu, cho đến khi may mẫu tiền sản xuất và trong giai đoạn sản xuất hàng loạt. Ngoài ra môn học cung cấp cho sinh viên cách thức tính giá sản phẩm may, đọc hiểu tài liệu kỹ thuật, phương thức xuất nhập khẩu hàng may mặc, kê khai hàng hóa và các nội dung có trong bản hợp đồng gia công hàng may mặc.

34. Lập kế hoạch ngành may

Phân bố thời gian học tập: 2(3/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Tổ chức và quản lý sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc và các yêu cầu của từng loại kế hoạch, phương pháp lập kế hoạch sản xuất cho từng đơn hàng cũng như từng bộ phận trong sản xuất. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên hệ thống bài tập áp dụng khi triển khai lập kế hoạch thực tế ngành may.

35. Công nghệ CAD ngành may

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Hệ thống cỡ số trang phục, Chuẩn bị sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ứng dụng tin học trong quá trình quản lý và điều hành sản xuất, giới thiệu về các hệ thống thiết kế mẫu với sự trợ giúp của máy tính. Học phần cũng mô tả chi tiết phương pháp ứng dụng phần mềm AccuMark hỗ trợ quá trình thiết kế mẫu và giác sơ đồ đáp ứng cho các công đoạn triển khai sản xuất sản phẩm trong công nghiệp.

36. Đồ án công nghệ

Phân bố thời gian học tập: 1(0/1/2)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ sản xuất, Chuẩn bị sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học nhằm củng cố cho sinh viên các kiến thức về công nghệ may đã học, cập nhật các qui trình sản xuất mới trong thực tế và tìm hiểu kỹ hơn về tổ chức - quản lý sản xuất may công nghiệp tại các doanh nghiệp.

37. Đồ án thiết kế

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ sản xuất, Chuẩn bị sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học nhằm củng cố cho sinh viên tất cả các kiến thức về thiết kế và công nghệ may đã học, về các công đoạn sản xuất và quá trình tổ chức - quản lý sản xuất may công nghiệp.

38. Chuyên đề thực tế (CNM)

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế trang phục nam cơ bản, Thiết kế trang phục nữ cơ bản, Công nghệ sản xuất, Chuẩn bị sản xuất, Tổ chức và quản lý sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cập nhật từ thực tế sản xuất dưới dạng chuyên đề nhằm giới thiệu các nội dung về thiết kế, công nghệ, quản lý sản xuất... đang được ứng dụng và triển khai có hiệu quả trong các doanh nghiệp may mặc.

39. Anh văn chuyên ngành Công nghệ may

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giúp sinh viên có được những kiến thức tổng quan về cách sử dụng các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành công nghệ may. Kết thúc học phần này sinh viên có khả năng đọc được tài liệu tiếng Anh do khách hàng cung cấp, giao tiếp trong doanh nghiệp may và đàm phán với khách hàng.

40. Quá trình hoàn tất vải

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành công nghệ may. Công nghệ hoàn tất vải, cung cấp các kiến thức cơ sở như khái niệm, nguyên lý hoạt động, tính chất, các yếu tố ảnh hưởng và một số ứng dụng trong thực tế của các quá trình hoàn tất chức năng cho vải bao gồm các hoàn tất cơ học như xử lý đốt lông, cào lông, cán láng, mài vi sinh, mài đá... và các hoàn tất hóa học như kháng khuẩn, chống nhàu, chống thấm, chống cháy, chống vón cục, chống tia cực tím, tạo mùi hương... Từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức trong môn học này để nhận biết, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề chất lượng sản phẩm may tạo ra từ vải dệt

41. Phát triển bền vững trong dệt may

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Quá trình hoàn tất vải

Môn học trước: Nguyên liệu dệt, Nguyên phụ liệu may, Thí nghiệm Vật liệu dệt.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức về phát triển bền vững trong lĩnh vực Dệt may & Thời trang, giúp sinh viên nhận diện ra được sự ảnh hưởng thống nhất trong chuỗi phát triển ngành....Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên có thể xây dựng, triển khai dự án phát triển bền vững trong ngành Dệt may & Thời trang.

42. TH Thiết kế trang phục nam cơ bản

Phân bố thời gian học tập: 3(0/3/6)

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế trang phục nam cơ bản.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học hướng dẫn kỹ thuật và phương pháp đo ni mẫu trực tiếp trên cơ thể người, đồng thời hướng dẫn thực hiện phương pháp thiết kế, giác sơ đồ, cắt các chi tiết bán thành phẩm và lắp ráp hoàn chỉnh các sản phẩm gồm: áo sơ mi, áo blouse, quần short, quần tây nam theo qui trình công nghệ và tiêu chuẩn kỹ thuật trong công nghiệp.

43. TH Thiết kế trang phục nữ cơ bản

Phân bố thời gian học tập: 3(0/3/6)

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế trang phục nữ cơ bản.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học hướng dẫn kỹ thuật và phương pháp đo ni mẫu trực tiếp trên cơ thể người, đồng thời hướng dẫn thực hiện phương pháp thiết kế, giác sơ đồ, cắt các chi tiết bán thành phẩm và lắp ráp hoàn chỉnh áo blouse, quần tây và váy nữ cơ bản theo qui trình công nghệ và tiêu chuẩn kỹ thuật trong công nghiệp.

44. TH Thiết kế trang phục nữ nâng cao

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế trang phục nữ nâng cao.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học hướng dẫn kỹ thuật và phương pháp đo ni mẫu trực tiếp trên cơ thể người, đồng thời hướng dẫn thực hiện phương pháp thiết kế, giác sơ đồ, cắt các chi tiết bán thành phẩm và lắp ráp hoàn chỉnh áo dài truyền thống Việt Nam theo các thông số kích thước của ni mẫu đo được. Học phần cũng hướng dẫn cụ thể các bước tạo mẫu và may hoàn chỉnh 1 sản phẩm áo đầm biến kiểu và áo Vest nữ 1 lớp.

45. TH Thiết kế trang phục nam nâng cao

Phân bố thời gian học tập: 3(0/3/6)

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế trang phục nam nâng cao.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học hướng dẫn kỹ thuật và phương pháp đo ni mẫu trực tiếp trên cơ thể người, đồng thời hướng dẫn thực hiện phương pháp thiết kế, giác sơ đồ, cắt các chi tiết bán thành phẩm và lắp ráp hoàn chỉnh sản phẩm veston và áo Jacket theo qui trình công nghệ và tiêu chuẩn kỹ thuật trong công nghiệp.

46. TH Chuẩn bị sản xuất ngành may

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Điều kiện tiên quyết: Chuẩn bị sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu, đặc biệt là các kỹ năng xây dựng qui trình công nghệ gia công chi tiết, xây dựng qui trình lắp ráp sản phẩm, xây dựng định mức gia công, xây dựng tài liệu kỹ thuật sản xuất hoàn chỉnh một mã hàng.

47. Thí nghiệm vật liệu dệt

Phân bố thời gian học tập: 2(0/2/4)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên liệu dệt.

Môn học trước: Quá trình hoàn tất vải, Nguyên phụ liệu may

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức về đánh giá kiểm định chất lượng, quy trình thực hiện thí nghiệm vật liệu dệt theo các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước. Đồng thời, sinh viên còn được trang bị kỹ năng thực hiện các thí nghiệm về cơ, lý, hóa để đánh giá tính chất vật liệu dệt may. Qua đó, sinh viên có khả năng đọc hiểu, soạn thảo báo cáo kết quả thí nghiệm và đánh giá được tính chất của vật liệu dệt dựa trên các kết quả thí nghiệm thu được.

48. Thực tập tốt nghiệp

Phân bố thời gian học tập: 4(0/4/8)

Điều kiện tiên quyết: Phải học hoàn thiện các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học giúp cho sinh viên ứng dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tế sản xuất. Sinh viên sẽ thực tập tại các doanh nghiệp chuyên về lĩnh vực may mặc và được tham gia trực tiếp vào các công đoạn sản xuất của một mã hàng công nghiệp bắt đầu từ khâu chuẩn bị sản xuất cho đến hoàn tất sản phẩm.

B. PHẦN TỰ CHỌN:

9.3. Kiến thức giáo dục đại cương:

49. Kinh tế học đại cương

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên: Những kiến thức cơ bản về kinh tế; Phát triển tư duy kinh tế; Giúp người học làm quen với phương pháp phân tích và lập luận trong kinh tế; Có cái nhìn năng động về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn và trên thị trường và vận dụng các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống cụ thể.

50. Nhập môn quản trị chất lượng

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chất lượng và quản trị chất lượng, các PPĐG chất lượng và sử dụng kỹ thuật và công cụ QLCL nhằm giúp sinh viên có nền tảng cơ bản để có thể tiếp cận cách xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống QTCL. Giới thiệu về vị trí của chất lượng trong xu thế cạnh tranh toàn cầu; tình trạng quản trị chất lượng tại các nước đang phát triển và tại Việt Nam. Đồng thời nêu ra một số chỉ tiêu và PPĐG chất lượng trong tổ chức, hướng dẫn sinh viên sử dụng một số phương pháp, kỹ thuật và công cụ cơ bản để quản lý chất lượng.

51. Nhập môn quản trị học

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên: Những kiến thức cơ bản về quản trị, bao gồm những yếu tố môi trường tổng quát nhất tác động đến doanh nghiệp, tổ chức; Cách phân tích môi trường cơ bản nhất, tổng hợp các yếu tố môi trường để từ đó định hướng cho tổ chức; Vận dụng các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống cụ thể, hình thành được kỹ năng phân tích vấn đề và phát triển tư duy quản lý.

52. Nhập môn logic học

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức: Khái quát về logic học; Cấu trúc của tư duy con người đồng thời giúp sinh viên tìm hiểu các phương pháp suy luận và ứng dụng trong đời sống, trong học tập nghiên cứu. Qua đó, sinh viên sẽ nhận thức được chức năng, vị trí của logic học trong đời sống của con người, nhất là trong thời kỳ hiện đại.

53. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên: Cấu trúc văn hóa đa tộc người và các vùng văn hóa Việt Nam; Văn hóa Việt Nam – cách nhìn và cách tri nhận; Giúp sinh viên tham khảo và nghiên cứu các tiêu chí hình thành các vùng văn hóa Việt Nam. Trên cơ sở đó, sinh viên nhận diện được nền văn hóa dân tộc.

54. Nhập môn xã hội học

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên về hệ thống lý thuyết cơ bản của môn xã hội học: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; Lược khảo lịch sử ra đời và phát triển của xã hội học; Phương pháp nghiên cứu của xã hội học; Thế nào là cá nhân và xã hội. Những khái niệm và phạm trù cơ bản của xã hội học; Di động xã hội và biến đổi xã hội; Văn hóa xã hội; Dư luận xã hội và thông tin đại chúng; Xã hội học nông thôn; Xã hội học đô thị; Xã hội học gia đình.

55. Tâm lý học kỹ sư

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Đề tạo nên sự tương tác giữa công nghệ và con người, sinh viên các ngành kỹ thuật công nghệ cần hiểu được đặc điểm tâm lý cơ bản của con người. Học phần Tâm lý học kỹ sư sẽ cung cấp cho sinh viên các ngành kỹ thuật công nghệ các kiến thức về tâm lý con người và ứng dụng các kiến thức này vào thiết kế hệ thống kỹ thuật phù hợp với con người.

56. Tư duy hệ thống

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức: Tổng quan về hệ thống; Tư duy để sống, học tập và làm việc hiệu quả hơn; Phương pháp luận tư duy hệ thống; Các phương pháp tư duy và tìm kiếm giải pháp sáng tạo.

57. Kỹ năng học tập đại học

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này nhằm giúp sinh viên xác định những kiến thức cơ bản về: Nguồn lực trong học tập ở trường Đại học; Mục tiêu học tập và quản lý thời gian học tập; Các phương pháp học tập và những yếu tố quyết định thành công trong học tập.

58. Kỹ năng xây dựng kế hoạch

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này giúp sinh viên: Xác định các yếu tố cơ bản của một kế hoạch; Xác định trình tự xây dựng một kế hoạch và lập bảng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn; Phương pháp quản lý thời gian và thay đổi bản thân để thực hiện kế hoạch.

59. Kỹ năng làm việc trong môi trường kỹ thuật

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học Kỹ năng làm việc trong môi trường kỹ thuật thuộc nhóm môn học tự chọn của khối ngành kỹ thuật công nghệ. Môn học này nhằm hình thành cho sinh viên một số kỹ năng làm việc cơ bản trong môi trường kỹ thuật, đặc biệt là các kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hóa, hiện đại, có sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ.

60. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Trong quá trình đào tạo ở trường Đại học, sinh viên không chỉ lĩnh hội tri thức từ phía giáo viên, mà học còn phải tự học và tự nghiên cứu. Từ tự giác, tích cực và sáng tạo, sinh viên sẽ tìm ra cái mới nhằm giải thích sâu sắc hay có lời giải phù hợp đó chính là sinh viên đã nghiên cứu khoa học. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học bao gồm những nội dung về các khái niệm, qui trình và cấu trúc... Để từ đó sinh viên định hướng được việc lựa chọn đề tài nghiên cứu, soạn được đề cương và áp dụng được các phương pháp nghiên cứu trong khi thu thập và xử lý thông tin hợp lý trong khi tiến hành công trình nghiên cứu khoa học. Sinh viên sẽ chủ động trong việc đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu cấp trường cũng như tiến hành luận văn tốt nghiệp hay đồ án tốt nghiệp một cách khoa học và thành công.

9.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành):

61. Mỹ thuật trang phục

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về mỹ thuật bao gồm: màu sắc, đường nét, hình khối, tỷ lệ cơ thể, phương pháp nghiên cứu từ thực tế. Từ đó vận dụng những ý tưởng cần thiết cụ thể trong trang phục có tính mỹ thuật góp phần định hướng thẩm mỹ cho thời trang tương lai.

62. Công nghệ in thêu

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ sản xuất, Chuẩn bị sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này nhằm giúp sinh viên tìm hiểu, nhận biết các sản phẩm may mặc được trang trí bằng công nghệ in và thêu. Đây là lĩnh vực gắn liền với ngành may, giúp trang trí cho sản phẩm may thêm đa dạng và phong phú. Môn học này gồm 2 chương. Chương 1, giới thiệu chung về những công nghệ in trên vải được sử dụng phổ biến hiện nay, quy trình kiểm tra và tiêu chí đánh giá chất lượng sản phẩm sau in. Chương 2, giới thiệu chung về công nghệ thêu trên vải, quy trình kiểm tra và tiêu chí đánh giá chất lượng sản phẩm sau khi thêu.

63. Vật liệu thông minh

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên phụ liệu may, công nghệ hoàn tất vải

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học Vật liệu dệt thông minh thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo kỹ sư ngành công nghệ may giới thiệu cho sinh viên kiến thức cơ bản về các tiến bộ kỹ thuật trong nghiên cứu và phát triển các loại xơ sợi vải dệt. Từ đó, môn học hỗ trợ sinh viên các ý tưởng ứng dụng những phát kiến mới nhất vào thực tế sản xuất đem lại nhiều giá trị gia tăng cho sản phẩm dệt may.

64. Tự động hóa quá trình sản xuất ngành may

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ sản xuất, Chuẩn bị sản xuất, Tổ chức và quản lý sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Tự động hoá quá trình sản xuất dệt may là môn học chuyên ngành trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật dệt may. Môn học trình bày các vấn đề liên quan đến kỹ thuật sản xuất, các hệ thống thiết kế, điều khiển sản xuất, vận chuyển, hoạch định sản xuất, quản lý chất lượng với sự hỗ trợ của máy tính. Ngoài ra môn học cũng giới thiệu một số hệ thống sản xuất tự động đang được sử dụng rộng rãi trong ngành dệt, may.

65. An toàn lao động ngành may

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết:.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thực trạng an toàn lao động trong sản xuất ngành dệt may, những kỹ thuật an toàn và giải pháp về sinh an toàn lao động. Đồng thời cung cấp những giải pháp để giải quyết các vấn đề trong quá trình sản xuất ngành dệt may để đảm bảo an toàn cho người lao động, môi trường và sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dệt may sang các thị trường lớn trên thế giới trong giai đoạn hội nhập về thương mại.

66. Sinh thái dệt

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề sinh thái và môi trường trong công nghiệp dệt may và ảnh hưởng của sinh thái dệt may đến sản phẩm cũng như con người và môi trường. Đồng thời, môn học còn cung cấp các kiến thức về công nghệ sản xuất sạch hơn trong lĩnh vực dệt may nhằm đáp ứng yêu cầu hàng xuất nhập khẩu trong điều kiện thương mại hội nhập quốc tế hiện nay

9.5. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức chuyên ngành):

67. Thiết kế trang phục bảo hộ lao động

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Hệ thống cỡ số trang phục, Thiết kế trang phục nam cơ bản..

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp xác định thông số kích thước, phương pháp lựa chọn kiểu dáng và chất liệu may sản phẩm cho trang phục công sở phù hợp với từng nhóm ngành nghề khác nhau. Học phần cũng giới thiệu phương pháp thiết kế các nhóm chi tiết cho các sản phẩm như: quần và áo phù hợp kiểu dáng đã chọn, đồng thời

cũng hướng dẫn cho sinh viên phương pháp xây dựng qui trình may cho các cụm chi tiết được ứng dụng để lắp ráp hoàn thiện các sản phẩm.

68. Thiết kế trang phục công sở

Phân bố thời gian học tập: 3(2/1/6)

Điều kiện tiên quyết: Hệ thống cỡ số trang phục, Thiết kế trang phục nữ cơ bản.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp xác định thông số kích thước, phương pháp lựa chọn kiểu dáng và chất liệu may sản phẩm cho trang phục công sở phù hợp với từng nhóm ngành nghề khác nhau. Học phần cũng giới thiệu phương pháp thiết kế các nhóm chi tiết cho các sản phẩm như: quần, áo, váy nữ phù hợp kiểu dáng đã chọn, đồng thời cũng hướng dẫn cho sinh viên phương pháp xây dựng qui trình may cho các cụm chi tiết được ứng dụng để lắp ráp hoàn thiện các sản phẩm.

69. Thiết kế trang phục cưới

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế trang phục nữ nâng cơ bản. Thiết kế trang phục nữ nâng cao.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này trang bị các kiến thức cơ bản về nguồn gốc lịch sử ra đời của trang phục cưới, đặc điểm cấu trúc cơ bản của trang phục cưới và các nguyên phụ liệu chuyên dùng cho trang phục cưới. Cung cấp các kiến thức nâng cao trong phương pháp thiết kế, phương pháp tạo mẫu các sản phẩm trang phục cưới cơ bản. Môn học hướng dẫn thực hiện phương pháp đo ni mẫu, phương pháp thiết kế, phương pháp tạo mẫu, giác sơ đồ, cắt các chi tiết bán thành phẩm và lắp ráp hoàn chỉnh 1 sản phẩm cưới theo các thông số kích thước của ni mẫu đo được.

70. Thiết kế Trench Coat, jacket

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên phụ liệu may, Nguyên liệu dệt, Thiết kế trang phục nam nữ cơ bản

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc điểm, kiểu dáng, chất liệu những phương pháp đo ni mẫu, phương pháp thiết kế dựng hình, kỹ thuật may các loại trang phục jacket, traincoat với mọi lứa tuổi. Đồng thời môn học cũng cung cấp các phương pháp xây dựng qui trình lắp ráp sản phẩm và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thiết kế mẫu nhằm có cách điều chỉnh phù hợp với từng kiểu dáng khác nhau.

71. Thiết kế trang phục lót, áo tắm

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phương pháp thiết kế rập và kỹ thuật may cho các sản phẩm áo tắm và trang phục lót. Đồng thời môn học còn cung cấp những phương pháp lựa chọn độ cử động toàn phần phù hợp với kiểu dáng sản phẩm và chất liệu sử dụng

72. Thiết kế thời trang trên Dressform

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Hệ thống cỡ số trang phục, Kỹ thuật may cơ bản.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phương pháp thiết kế rập và kỹ thuật tách rập chi tiết từ manequin. Đồng thời môn học còn cung cấp những kỹ năng chuyên đổi và xử lý các đường trang trí trên sản phẩm, phương pháp lựa chọn độ cử động toàn phần phù hợp với kiểu dáng sản phẩm và chất liệu sử dụng.

73. Thiết kế nón và túi xách

Phân bố thời gian học tập: 3(2/1/6)

Điều kiện tiên quyết: Hệ thống cỡ số trang phục, Kỹ thuật may cơ bản.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực may nón và túi xách. Từ việc biết chọn nguyên phụ liệu để may đến việc nắm vững các lý thuyết

để vẽ các kiểu nón – túi xách cơ bản. Và dựa trên những cơ sở thiết kế, sinh viên có thể tự ra rập các mẫu có sẵn hay tự thiết kế các kiểu dáng của chính mình một cách sáng tạo.

74. Thiết kế giày

Phân bố thời gian học tập: 3(2/1/6)

Điều kiện tiên quyết: Hệ thống cỡ số trang phục.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo của bàn chân và các thông số kích thước giày. Giới thiệu các phương pháp thiết kế rập tổng và kỹ thuật tách rập chi tiết từ rập tổng. Học phần cũng giúp sinh viên nắm được tính chất, công dụng của nguyên phụ liệu và các thiết bị chuyên dùng của ngành giày.

75. Thiết kế nhà xưởng và lắp đặt thiết bị may

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Thiết bị may công nghiệp và bảo trì, Tổ chức và quản lý sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho người học các kiến thức cơ sở của công việc thiết kế mặt bằng tổng thể xí nghiệp công nghiệp. Đưa ra giải pháp qui hoạch một xí nghiệp công nghiệp dựa vào điều kiện kinh doanh, yếu tố tự nhiên, yếu tố con người, yếu tố xã hội. Bên cạnh đó môn học cũng đề cập đến qui trình vận hành, lắp đặt các thiết bị ngành may, tổ chức thiết kế không gian, luồng hàng, luồng người phù hợp đảm bảo các yêu cầu an toàn cho nhà xưởng như vi khí hậu, chiếu sáng, thông gió, chống cháy nổ, an toàn khói bụi, an toàn điện.

76. Cải tiến sản xuất ngành may

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ sản xuất, Chuẩn bị sản xuất, Tổ chức và quản lý sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết về giám sát và cải tiến sản xuất may công nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình cải tiến sản xuất. Học phần cũng cung cấp những phương pháp và công cụ cải tiến trong sản xuất cho ngành may công nghiệp. Đặc biệt, trong quá trình học, sinh viên được tiếp cận và giải quyết các tình huống giả định về cải tiến sản xuất may.

77. Quản trị thương hiệu

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ sản xuất, Chuẩn bị sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản giúp người học hiểu rõ về cách thức xây dựng một thương hiệu thời trang. Thông qua những tình huống thực tế, người học có thể phát triển kiến thức và kỹ năng phát triển giá trị của một thương hiệu thời trang, xây dựng chiến lược PR (public relation), định vị và đo lường thương hiệu

78. Công nghệ Wash sản phẩm may

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ sản xuất, Công nghệ hoàn tất vải Nguyên liệu dệt

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về Công nghệ wash Jeans, qui trình sản xuất và hoàn tất vải Jeans, công nghệ nhuộm màu chàm Indigo.... Từ đó, sinh viên nhận biết được các hiệu ứng wash trên sản phẩm, các loại hóa chất, công cụ, máy móc thiết bị sử dụng để tạo ra các hiệu ứng wash trên sản phẩm Jeans.

79. Công nghệ sản xuất hàng dệt kim

Phân bố thời gian học tập: 3(2/1/6)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ sản xuất, Chuẩn bị sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về công nghệ sản xuất may công nghiệp và những ảnh hưởng của thiết bị, vật tư, điều kiện kỹ thuật đến công nghệ sản xuất sản phẩm dệt kim. Đặc biệt, môn học hướng dẫn cho người học cách kiểm nghiệm vật liệu và xử lý vật liệu nhằm sản xuất sản phẩm dệt kim một cách hiệu quả.

80. Thiết kế 3D trong sản xuất MCN

Phân bố thời gian học tập: 2(1/1/4)

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ CAD ngành may

Môn học trước: Thiết kế trang phục nam cơ bản, thiết kế trang phục nữ cơ bản, Nguyên phụ liệu may, hệ thống cỡ số trang phục.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần hướng dẫn cho người học cách thực hiện các chức năng của phần mềm Vstitcher trong quá trình kiểm tra, chỉnh sửa rập nhằm đáp ứng nhu cầu thiết lập mẫu 3D phục vụ cho công tác tiếp thị trang phục và tiết kiệm thời gian thử nghiệm mẫu

9.6. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức liên ngành):

81. Nền tảng thiết kế thời trang

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cốt lõi trong ngành thiết kế thời trang, làm nền tảng cơ sở cho những đồ án thiết kế sau này. Sinh viên được trang bị kiến thức với ba nội dung chính quan trọng như sau: Kiến thức tổng quát về thời trang, các nguyên lý thiết kế thời trang và cách thức chuyển tải ý tưởng để thiết kế bộ sưu tập cơ bản

82. Vẽ minh họa thời trang cơ bản

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng vẽ phác thảo dáng cơ thể người cơ bản, phương pháp vẽ người thời trang, trang phục, nhằm thể hiện ý tưởng thiết kế và đạt hiệu quả giao tiếp bằng hình ảnh trong công việc

83. Kế hoạch khởi nghiệp

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học Kế hoạch khởi nghiệp nhằm giới thiệu cho sinh viên các khái niệm, mô hình khởi nghiệp, hướng dẫn sinh viên xác định các cơ hội khởi nghiệp, đánh giá tính khả thi của một ý tưởng khởi nghiệp và lập kế hoạch khởi nghiệp.

84. Giao tiếp trong kinh doanh

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này cung cấp kiến thức về khoa học giao tiếp trong kinh doanh Việt Nam hiện nay gồm nhập môn khoa học giao tiếp và các hình thức giao tiếp. Đồng thời ứng dụng khoa học giao tiếp vào hoạt động sản xuất kinh doanh như: những mối quan hệ phổ biến trong giao tiếp kinh doanh, cách sử dụng ngôn ngữ thích hợp, tác phong chuyên nghiệp nơi công sở, các tình huống giao tiếp trong kinh doanh và cách ứng xử (trình bày trước đám đông, hội họp, làm việc nhóm...)

85. Marketing hàng may mặc

Phân bố thời gian học tập: 3(2/1/6)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học đại cương, Chuẩn bị sản xuất, Tổ chức và quản lý sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này cung cấp kiến thức căn bản về marketing, xác định môi trường marketing và giúp lựa chọn thị trường mục tiêu; mô tả các chiến lược marketing trong marketing-mix; giới thiệu cơ bản về quản trị marketing nhằm giúp sinh viên có thể áp dụng vào môi trường kinh doanh tại các doanh nghiệp hàng may mặc Việt Nam quy mô vừa và nhỏ

86. Xuất nhập khẩu hàng may mặc

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học đại cương, Chuẩn bị sản xuất, Tổ chức và quản lý sản xuất.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về Quy trình làm việc của bộ phận Xuất nhập khẩu tại các doanh nghiệp may, công tác biên soạn các bộ chứng từ cho thủ tục xuất – nhập hàng trong ngành may. Đồng thời, sinh viên còn được cung cấp các kiến thức về nghiệp vụ khai báo hải quan cho hàng nhập – xuất, thủ tục cho đơn cấp CO, và các qui định về thuế xuất cho công tác giao thương nội địa cũng như quốc tế.

87. Đàm phán và kinh doanh hàng may mặc Quốc tế

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Tổ chức và quản lý sản xuất, Marketing hàng may mặc.

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết về kinh doanh hàng may mặc quốc tế giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn về môi trường và xu hướng quốc tế hóa hoạt động sản xuất kinh doanh hàng may mặc. Vận dụng được khác biệt văn hóa, tập quán thương mại, chính trị-pháp pháp. Có tư duy về hoạch định chiến lược toàn cầu trong sản xuất, quản trị nhân lực, marketing và tài chính tiền tệ quốc tế phù hợp với môi trường kinh doanh hàng may mặc. Tiếp theo, môn học cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về đàm phán, những kiến thức về phát triển các kỹ năng đàm phán trong kinh doanh quốc tế và những kiến thức về văn hóa đặc trưng của các đối tác phổ biến trong kinh doanh hàng may mặc ở Việt Nam hiện nay.

88. Tâm lý học kinh doanh hàng may mặc

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về những khía cạnh tâm lý trong các hoạt động kinh doanh, đánh giá quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó nhận thức được bản chất của hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Đồng thời môn học cũng phân tích ứng dụng những qui luật tâm lý vào quá trình kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả đồng thời giảm bớt sự rủi ro trong các hoạt động kinh doanh.

89. Quan hệ quản trị khách hàng

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này nghiên cứu một cách tổng thể các khía cạnh của quản trị quan hệ khách hàng (CRM), bao gồm chiến lược chăm sóc khách hàng, bán hàng và công nghệ thông tin; qua đó, giúp người học hình dung quy trình thực hiện CRM trong doanh nghiệp và có thể ứng dụng được thông qua việc phân tích các tình huống

90. Quản trị chuỗi cung ứng

Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tóm tắt nội dung học phần: Quản trị chuỗi cung ứng là một ngành học, một nghề chuyên môn rất mới ở Việt Nam và cả trên thế giới ngày nay. Học phần Quản trị chuỗi cung ứng sẽ trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về chuỗi cung ứng và công tác quản trị chuỗi. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, định nghĩa, mục đích, giá trị, mô hình, chiến lược và phương pháp để xây dựng, vận hành và đánh giá chuỗi cung ứng. Đây là môn học thuộc kiến thức ngành, giúp người học nắm vững lý thuyết và vận dụng được trong thực tiễn tại các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Các xưởng, phòng thí nghiệm

STT	Tên xưởng/phòng	Số lượng
2	Xưởng may	07
3	Xưởng công nghệ	01
4	Phòng Thí nghiệm VLDM	01

5	Phòng nghiên cứu và phát triển mẫu (R&D)	01
---	--	----

10.2. Thư viện, trang Web

STT	Thư viện, trang WEB	Ghi chú
1	Thư viện	Sử dụng thư viện trường
2	Tủ sách chuyên ngành CNM&TT	Sách chuyên ngành CN may & TKTT
3	http://www.vinatex.com/	Giới thiệu về ngành may mặc Việt Nam và thường xuyên cập nhật các thông tin về ngành
4	http://www.textileasia-business.com/	Cung cấp các thông tin về ngành vải sợi may mặc tại khu vực châu Á, những bài báo, tin tức liên quan
5	http://www.textileweb.com	Cung cấp những thông tin toàn diện về ngành công nghệ may
6	http://vmode.vn/	Cung cấp thông tin về các xu hướng phát triển ngành
7	http://thoitrang.com/	Giới thiệu các mẫu mã thời trang thuộc nhiều loại trang phục khác nhau
8	http://stylist.vn/	Giới thiệu các phong cách thời trang khác nhau
9	http://www.juki.co.jp	Giới thiệu các loại thiết bị cho ngành may
10	http://www.gerberetechnology.com/	Giới thiệu công nghệ CAD/CAM ứng dụng cho chuyên ngành

10.3 Đường link các chương trình đào tạo của các trường nước ngoài

STT	LINK CTĐT nước ngoài	Ghi chú
1	Chương trình (BSCT 2012) của một trường ở Philippines	http://upclothingtechnology.blogspot.com/2009/06/bs-clothing-technology-course.html
2	Trang web của trường: Đính kèm là chương trình đào tạo	https://upd.edu.ph/academics/undergraduate/ or http://www.che.upd.edu.ph/content/clothing-textiles-interior-design-ctid
3	chương trình đào tạo (garment_54) của một trường ở Thái Lan	http://www.eng.rmutt.ac.th/faculty-of-engineering/
4	Đường link hai trường đại học ở Đức	https://web.hs-niederrhein.de/faculties/textile-and-clothing-technology/prospective-students/#c23782 https://www.daad.de/deutschland/studienangebote/international-programmes/en/?p=d&s=kr&id=3537
5	Đường link trường đại học London college of Fashion ở Anh	http://blogs.arts.ac.uk/fashion/category/school-of-design-and-technology/ https://www.futurelearn.com/courses/fashion-and-sustainability http://blogs.arts.ac.uk/fashion/category/short-courses/

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo được triển khai theo các quy định, hướng dẫn hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường ĐH SPKT Tp.HCM

Giờ quy định tính như sau:

1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp
 = 30 giờ thí nghiệm hoặc thực hành
 = 45 giờ tự học
 = $45 \div 90$ giờ thực tập tại cơ sở.
 = $45 \div 60$ giờ thực hiện đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Số giờ của môn học là bội số của 15.

Chuẩn đầu ra ngoại ngữ được Hội đồng Khoa học Đào tạo trường quyết định vào đầu các khóa tuyển sinh. Trong thời gian học tập, Nhà trường sẽ kiểm soát sự phát triển trình độ ngoại ngữ của sinh viên qua từng năm học để quyết định số tín chỉ các môn học trong học kỳ mà SV được phép đăng ký. SV có thể tự học hoặc đăng ký theo học chương trình phát triển năng lực ngoại ngữ theo đề án của Nhà trường.

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

PHỤ LỤC CÁC MÔN HỌC LIÊN NGÀNH

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Ngành đào tạo
1.	FUFA231352	Nền tảng thiết kế thời trang	3(2+1)	Thiết kế thời trang
2.	BAIL131052	<i>Vẽ minh họa thời trang cơ bản</i>	3(1+2)	Thiết kế thời trang
3.	BPLA121808	<i>Kế hoạch khởi nghiệp</i>	2	Kinh tế
4.	CUSM321006	<i>Quan hệ quản trị khách hàng</i>	2	Kinh tế
5.	CUSM321006	Giao tiếp trong KD	2	Kinh tế
6.	GAMA425951	Marketing hàng may mặc	2	Kinh tế + May
7.	IEOG324951	<i>Xuất nhập khẩu hàng may mặc</i>	2	Kinh tế + May
8.	IGTN426151	<i>Đàm phán KD hàng may mặc</i>	2	Kinh tế + May
9.	SCMA430709	<i>Quản trị chuỗi cung ứng</i>	2	Kinh tế
10.	PSFD320951	<i>Tâm lý học kinh doanh</i>	2	Tâm lý + May